

## **Bài 8: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC DIỄN BIẾN HÒA BÌNH...**

Câu 1: Chiến lược “Diễn biến hòa bình” được tiến hành bằng:

- a. Biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- b. Biện pháp quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- c. Biện pháp kinh tế do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.
- d. Biện pháp vũ trang do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

Câu 2: Ngày 11 tháng 7 năm 1995, Mỹ tuyên bố nội dung gì với Việt Nam?

- a. Xóa bỏ cấm vận kinh tế với Việt Nam.
- b. Xóa bỏ cấm vận quân sự với Việt Nam.
- c. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- d. Phương án a và c đúng.

Câu 3: Năm 1957, Tổng thống Mỹ nào đã tuyên bố: Mỹ sẽ giành thắng lợi bằng hòa bình?

- a. Kennơđi
- b. Aixenhao
- c. Truman.
- d. G. Pho.

Câu 4: Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?

- a. Quan niệm và vận dụng không đúng về chủ nghĩa Mác – Lênin.
- b. Những sai lầm, khuyết điểm của Đảng Cộng sản.
- c. Chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình”.
- d. Các phương án a, b và c đúng.

Câu 5: Bạo loạn lật đổ là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do:

- a. Lực lượng phản động, li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành.
- b. Lực lượng phản động đối lập trong nước hoặc cấu kết với tội phạm tiến hành.
- c. Lực lượng quân sự tiến hành để lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.
- d. Lực lượng gián điệp tiến hành để lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.

Câu 6: Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam là:

- a. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.
- b. Xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.
- c. Lái nước ta đi theo con đường tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc.
- d. Phương án a, b, c đúng.

Câu 7: Trong thủ đoạn chống phá về kinh tế, chủ nghĩa đế quốc muốn chuyển hóa nền kinh tế Việt Nam dần theo:

- a. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, kích lệ kinh tế tư nhân phát triển.
- b. Từng bước làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.
- c. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- d. Phương án a và b đúng.

Câu 8: Mục đích chống phá về tư tưởng trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- a. Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Xóa bỏ chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- c. Xóa bỏ sự quản lý và điều hành của nhà nước.
- d. Phương án a và b đúng.

Câu 9: Mục đích chống phá trên lĩnh vực đối ngoại trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- a. Chia rẽ tình đoàn kết giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa.
- b. Chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia.
- c. Lợi dụng chính sách để đầu tư vốn tạo sức ép về chính trị.
- d. Phương án a và b đúng.

Câu 10: Mục đích chống phá về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, chủ nghĩa đế quốc dùng thủ đoạn gì?

- a. Lợi dụng những khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc ít người.
- b. Lợi dụng trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp.
- c. Lợi dụng những khuyết điểm về chủ trương chính sách dân tộc của Đảng ta.
- d. Các phương án a, b và c đúng.

Câu 11 : Bao loạn lật đổ thường xảy ra ở những nơi nào?

- a. Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa lớn của Trung ương và địa phương. Nơi nhạy cảm về chính trị.
- b. Những nơi có khu công nghiệp, khu chế xuất, sân bay, bến cảng.
- c. Những địa điểm, công trình văn hóa quốc phòng an ninh quan trọng.
- d. Các phương án a, b và c đúng.

Câu 12: Nguyên tắc xử lý bạo loạn lật đổ là:

- a. Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng.
- b. Sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài.
- c. Sử dụng lực lượng quân sự để trấn áp.
- d. Phương án a và b đúng.

Câu 13: Giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- a. Xây dựng cơ sở chính trị xã hội vững mạnh về mọi mặt.
- b. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc.
- c. Chủ động khôn khéo xử lý tình huống khi bạo loạn xảy ra.
- d. Tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế.

Câu 14: Chọn câu sai. Diễn biến hòa bình là chiến lược cơ bản nhằm:

- a. Lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong.
- b. Lật đổ chế độ kinh tế xã hội của các nước tiến bộ từ bên trong.
- c. Lật đổ chế độ chính trị của các nước tư bản từ bên trong.
- d. Phương án b và c.

Câu 15: Ai là người khởi xướng chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc?

- a. Kennan. b. Mác San c. Truman d. Aixenhao.

Câu 16: “Việc bình thường hóa quan hệ của chúng ta với Việt Nam không phải là kết thúc nỗ lực của chúng ta. Chúng ta tiếp tục phấn đấu cho đến khi chúng ta có được những câu trả lời mà chúng ta có thể”. Tổng thống Mỹ nào đã tuyên bố?

- a. Tổng thống Bill Clinton. b. Tổng thống G. Bush c. Tổng thống Obama. d. Tổng thống Giônxon.

Câu 17: “Ngăn chặn phi vũ trang” trong chiến lược diễn biến hòa bình là của ai?

- a. Kennan. b. Mác San c. Truman d. Aixenhao.

Câu 18: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu: Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường kích động các phần tử quá khích, làm mất ổn định.....an toàn xã hội ở một khu vực hẹp trong một thời gian ngắn.

- a. An ninh chính trị. b. Kinh tế c. Trật tự. d. Văn hóa.

Câu 19: Trong thủ đoạn chống phá về chính trị, các thế lực thù địch tận dụng những:

- a. Sơ hở trong đường lối của Đảng.
- b. Sơ hở về chính sách của nhà nước ta.
- c. Trình độ dân trí để lật đổ Việt Nam.
- d. Phương án a và b.

Câu 20: Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Được xác định là:

- a. Giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”.
- b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”.
- c. Phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”.
- d. Quan điểm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”.

Câu 21: Giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- a. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.
- b. Chủ động kiên quyết khôn khéo trong xử lý tình huống.
- c. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh.
- d. Phương án a và c đúng.

Câu 22: Lợi dụng xu thế hợp tác để du nhập những sản phẩm văn hóa đồi trụy, lối sống phương Tây. Được xác định là thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực nào của chủ nghĩa đế quốc?

- a. Chống phá chính trị trong chiến lược diễn biến hòa bình.
- b. Chống phá tư tưởng văn hóa trong chiến lược diễn biến hòa bình.
- c. Chống phá tôn giáo dân tộc trong chiến lược diễn biến hòa bình.
- d. Chống phá quốc phòng an ninh trong chiến lược diễn biến hòa bình.

Câu 23: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung quan điểm chỉ đạo phòng chống. Chiến lược diễn biến hòa bình với nhiều đòn tấn công...trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta.

- a. Mềm.      b. Cứng.      c. Cứng và mềm.      d. Sâu, hiểm.

Câu 24: Chủ động, kiên quyết khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn. Được xác định là:

- a. Quan điểm chỉ đạo phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.
- b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.
- c. Phương châm tiến hành phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.
- d. Mục tiêu phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.

Câu 25: Vì sao hiện nay chủ nghĩa đế quốc coi Việt Nam là trọng điểm trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”?

- a. Việt Nam là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Nam Á chống đế quốc thực dân giành thắng lợi.
- b. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, Việt Nam không những không sụp đổ mà còn đổi mới thành công trong một thế giới biến động phức tạp, khó lường.
- c. Phương án a và b đúng.      d. Phương án a và b sai.

Câu 26: Lý do chủ nghĩa đế quốc coi Việt Nam là trọng điểm chống phá bằng chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung sau: Việt Nam có vị trí hết sức...; địa - kinh tế, địa - quân sự?

- a. Quan trọng về địa - chính trị.
- b. Chủ yếu về địa - chính trị.
- c. Quan trọng về chiến lược.
- d. Quan trọng về khoa học kỹ thuật.

Câu 27: Lý do chủ nghĩa đế quốc coi Việt Nam là trọng điểm chống phá bằng chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung sau: Chống phá Việt Nam, các thế lực thù địch còn nhằm làm sụp đổ biểu tượng chiến thắng, khôi phục lại... của các nước đế quốc.

- a. Tinh thần. b. Danh dự. c. Uy tín. d. Sức mạnh.

Câu 28: “Chống phá chính trị làm hàng đầu, kinh tế là mũi nhọn, ngoại giao làm hậu thuẫn, dân tộc tôn giáo làm ngòi nổ”. Được xác định là:

- a. Phương châm chống phá chiến lược diễn biến hòa bình.  
b. Quan điểm chiến lược diễn biến hòa bình.  
c. Nội dung chiến lược diễn biến hòa bình.  
d. Đặc điểm chiến lược diễn biến hòa bình.

Câu 29: Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phương châm đối ngoại quốc phòng của ta là:

- a. Tránh xung đột quân sự; tránh đối đầu.  
b. Tránh bị cô lập về kinh tế và lệ thuộc về chính trị.  
c. Tránh bị cô lập và tránh bị lệ thuộc về chính trị.  
d. Phương án a và c đúng.

Câu 30: Chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay trong quan hệ quốc phòng với các nước là:

- a. Không liên minh chính trị với nước ngoài.  
b. Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam.  
c. Cho các tổ chức quân sự nước ngoài đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam.  
d. Các phương án a,b và c đúng.

Câu 31: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung một giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo đời sống... cho nhân dân.

- a. Văn hóa, tinh thần      b. Chính trị, tinh thần      c. Vật chất, tinh thần.      d. Tinh thần.

Câu 32: Phương châm chống phá Việt Nam trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” là:

- a. Đầu vào kinh tế, đầu ra chính trị.  
b. Chống phá về kinh tế.  
c. Đầu vào chính trị, đầu ra kinh tế.  
d. Chống phá về chính trị.

## **BÀI 9: PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO**

Câu 1: Vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại...Được xác định là:

- a. Vũ khí công nghệ cao.  
b. Khái niệm vũ khí công nghệ cao.  
c. Đặc điểm vũ khí công nghệ cao.  
d. Tính chất của vũ khí công nghệ cao

Câu 2: Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao đó là:

- a. Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng nhiều lần so với vũ khí thông thường.  
b. Hàm lượng tri thức, kỹ năng tự động hóa cao.  
c. Có tính cạnh tranh cao và được nâng cấp liên tục.  
d. Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 3: Một trong những đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là:

- a. Khả năng tự động hóa cao.
- b. Tầm bắn rất xa.
- c. Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng nhiều lần so với vũ khí thông thường.
- d. Uy lực sát thương lớn.

Câu 4: Đặc điểm nổi bật nhất vũ khí công nghệ cao đó là:

- a. Khả năng tự động hóa rất cao.
- b. Độ chính xác cao với tầm bắn rất xa.
- c. Uy lực sát thương lớn.
- d. Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 5: Độ chính xác cao cùng với uy lực sát thương lớn. Được hiểu là:

- a. Đặc điểm nổi bật nhất của vũ khí công nghệ cao.
- b. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.
- c. Khái niệm vũ khí công nghệ cao.
- d. Thủ đoạn đánh phá của vũ khí công nghệ cao.

Câu 6: Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn tầm hoạt động xa. Được hiểu là:

- a. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.
- b. Đặc điểm nổi bật nhất của vũ khí công nghệ cao.
- c. Điểm mạnh của vũ khí công nghệ cao.
- d. Khái niệm vũ khí công nghệ cao.

Câu 7: Một số loại vũ khí thông minh có khả năng nhận biết địa hình, đặc điểm của mục tiêu, tự động tìm diệt. Được hiểu là:

- a. Điểm mạnh của vũ khí công nghệ cao.
- b. Đặc điểm nổi bật nhất của vũ khí công nghệ cao.
- c. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.
- d. Khái niệm vũ khí công nghệ cao.

Câu 8: Dựa hoàn toàn vào phương tiện kỹ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa. Được hiểu là:

- a. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao.
- b. Đặc điểm nổi bật nhất của vũ khí công nghệ cao.
- c. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.
- d. Khái niệm vũ khí công nghệ cao.

Câu 9: Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là:

- a. Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lý thuyết.
- b. Thời gian trình sát xử lý số liệu để có phương án đánh phức tạp nếu mục tiêu thay đổi.
- c. Một số tên lửa bay thấp dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.
- d. Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 10: Tổ hợp tên lửa S.300 là vũ khí:

- a. Thông thường.
- b. Vũ khí công nghệ cao.
- c. Vũ khí hủy diệt lớn.
- d. Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 11: Phi công bắn rơi máy bay B.52 đầu tiên trong trận Điện Biên Phủ trên không tháng 12 năm 1972 là:

- a. Phạm Tuân.      b. Nguyễn Văn Cốc.      c. Nguyễn Thành Trung.      d. Vũ Xuân Thiều.

Câu 12: Phi công nào đã nói: Bắn B.52 mà không rơi tại chỗ, Tôi sẽ lao thẳng vào nó?

- a. Phạm Tuân.      b. Vũ Xuân Thiều.      c. Nguyễn Văn Cốc.      d. Nguyễn Thành Trung.

Câu 13: Phi công Việt Nam nào bắn rơi nhiều máy bay của đế quốc Mỹ?

- a. Phạm Tuân.      b. Vũ Xuân Thiều.      c. Nguyễn Văn Cốc.      d. Nguyễn Thành Trung.

Câu 14: Người phi công Việt Nam ném bom xuống Dinh Độc Lập tháng 4 năm 1975 là:

- a. Phạm Tuân.      b. Vũ Xuân Thiều.      c. Nguyễn Văn Cốc.      d. Nguyễn Thành Trung.

Câu 15: Trong 12 ngày đêm Điện Biên Phủ trên không tháng 12 năm 1972, quân và dân ta bắn rơi bao nhiêu máy bay các loại?

- a. 80 máy bay,      b. 81 máy bay,      c. 34 máy bay,      d. 64 máy bay.

Câu 16: Trong 12 ngày đêm Điện Biên Phủ trên không tháng 12 năm 1972, quân và dân ta bắn rơi bao nhiêu máy bay B.52?

- a. 80 máy bay,      b. 81 máy bay      c. 34 máy bay      d. 64 máy bay.

Câu 17: Phòng chống trình sát của địch, Dự địch đánh vào mục tiêu có giá trị thấp, tổ chức bố trí phân tán có khả năng tác chiến độc lập và kết hợp xây dựng hạ tầng đô thị với hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ. Được hiểu là:

- a. Biện pháp thụ động của phòng chống vũ khí công nghệ cao.  
b. Biện pháp chủ động của phòng chống vũ khí công nghệ cao.  
c. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.  
d. Điểm mạnh của vũ khí công nghệ cao.

Câu 18: Trong biện pháp thụ động có phòng chống trình sát của địch phải dùng các biện pháp, phương pháp đối phó là:

- a. Hạn chế đặc trưng của mục tiêu.  
b. Che giấu mục tiêu và nguy trạng mục tiêu.  
c. Tổ chức tốt nghi binh đánh lừa.  
d. Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 19: Hạn chế đặc trưng của mục tiêu, che giấu mục tiêu và nguy trạng cũng như tổ chức tốt nghi binh đánh lừa địch. Được hiểu là:

- a. Biện pháp thụ động trong phòng chống trình sát của địch bằng vũ khí công nghệ cao.  
b. Biện pháp chủ động trong phòng chống trình sát của địch bằng vũ khí công nghệ cao.  
c. Phòng chống trình sát của địch bằng vũ khí công nghệ cao.  
d. Gây nhiễu các trang bị trình sát.

Câu 20: Một trong những biện pháp chủ động của vũ khí công nghệ cao là:

- a. Gây nhiễu các trang bị trình sát để giảm hiệu quả trình sát của địch.  
b. Tổ chức bố trí lực lượng phân tán có khả năng tác chiến độc lập.  
c. Kết hợp xây dựng hạ tầng với hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ.  
d. Dự đánh vào mục tiêu có giá trị thấp.

Câu 21: Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch. Được hiểu là:

- a. Biện pháp chủ động trong phòng chống vũ khí công nghệ cao.  
b. Biện pháp thụ động trong phòng chống vũ khí công nghệ cao.  
c. Biện pháp phòng chống vũ khí công nghệ cao.  
d. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao.

Câu 22: Trong biện pháp chủ động, phải gây nhiễu các trang bị trinh sát để làm giảm hiệu quả trinh sát của địch là phải:

- Tích cực phá hệ thống trinh sát của đối phương.
- Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn gây nhiễu.
- Hạn chế năng lượng bức xạ từ hướng ăng ten bằng cách sử dụng công suất phát hợp lí.
- Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 23: Một trong những biện pháp chủ động của phòng chống tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là:

- Lợi dụng đặc điểm đồng bộ đánh vào mắt xích then chốt.
- Tổ chức lực lượng phân tán có khả năng tác chiến độc lập.
- Phòng chống trinh sát tốt cùng với nghi binh đánh lừa.
- Xây dựng hạ tầng cùng với hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ.

Câu 24: Trong phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao. Tại sao phải bố trí phân tán?

- Để giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng tấn công bằng vũ khí công nghệ cao.
- Làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.
- Tăng khó khăn cho địch trong trinh sát phát hiện mục tiêu.
- Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 25: Vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời sử dụng cả trên bộ, trên không và trên biển. Do vậy phải:

- Tổ chức đánh địch từ xa.
- Tổ chức ngụy trang che dấu.
- Dụ đánh vào mục tiêu có giá trị thấp.
- Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 26: Mỗi quan hệ trong phòng tránh đánh trả bằng vũ khí công nghệ cao là:

- Phòng tránh tốt là điều kiện đánh trả.
- Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện cho phòng tránh an toàn.
- Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán có khả năng tác chiến độc lập.
- Phương án a và b đúng.

Câu 27: Để phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao có hiệu quả, cần phải:

- Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng phòng chống địch tiến công có hiệu quả trong mọi tình huống.
- Lợi dụng đặc điểm đồng bộ đánh vào mắt xích then chốt.
- Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác.
- Nắm chắc thời cơ chủ động đánh địch từ xa phá thế tiến công của địch.

## **BÀI 10: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

Câu 1: Lực lượng vũ trang quần chúng không thoát li sản xuất công tác là:

- Bộ đội chủ lực.      b. Dân quân tự vệ.      c. Bộ đội địa phương.      d. Dự bị động viên

Câu 2: Lực lượng vũ trang quần chúng tổ chức ở các cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, xã hội là:

- Bộ đội địa phương.      b. Dân quân.      c. Tự vệ.      d. Bộ đội chủ lực.

Câu 3: Chỉ huy trực tiếp dân quân tự vệ là:

- Công an xã, phường.
- Cơ quan quân sự địa phương.
- Ủy ban nhân dân xã phường.
- Bộ đội chủ lực.

Câu 4: Lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt đối với lực lượng dân quân tự vệ là:

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- c. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
- d. Đảng và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 5: Lực lượng dân quân được tổ chức ở đâu?

- a. Cơ quan đơn vị hành chính, các tổ chức xã hội.
- b. Các nhà máy xí nghiệp.
- c. Các tổ chức kinh tế.
- d. Xã, phường, thị trấn.

Câu 6: Lực lượng dân quân tự vệ nông cốt gồm:

- a. Dân quân tự vệ bộ binh, binh chủng và dân quân tự vệ biển.
- b. Dân quân tự vệ bộ binh, dân quân tự vệ tại chỗ và cảnh sát biển.
- c. Dân quân tự vệ binh chủng, dân quân tự vệ biển, Cảnh sát biển.
- d. Dân quân tự vệ bộ binh, dân quân tự vệ cơ động và dân quân tự vệ biển.

Câu 7: Một trong những nhiệm vụ của dân quân tự vệ là:

- a. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.
- b. Chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu.
- c. Sẵn sàng chiến đấu, tham gia lao động sản xuất
- d. Chiến đấu, huấn luyện, tham gia lao động sản xuất.

Câu 8: Vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ từ các nguồn nào?

- a. Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương chế tạo, thu được của địch.
- b. Thu được của địch, các địa phương chế tạo, tái tạo.
- c. Bộ Quốc phòng cấp và thu được của địch.
- d. Do nhân dân chế tạo và tái tạo.

Câu 9: Lực lượng dự bị động viên bao gồm:

- a. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công an nhân dân dự bị.
- b. Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch.
- c. Quân nhân dự bị đã xếp trong kế hoạch.
- d. Vật chất, khí tài trang bị đã xếp trong kế hoạch.

Câu 10: Quân nhân dự bị gồm:

- a. Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.
- b. Sĩ quan dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.
- c. Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp, binh sĩ dự bị.
- d. Quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

Câu 11: Phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng:

- a. Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.
- b. Vững mạnh, toàn diện, coi trọng chất lượng quân sự là chính.
- c. Vững mạnh, rộng khắp, có trọng tâm, trọng điểm.
- d. Vững mạnh, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

Câu 12: Dân quân tự vệ được tổ chức thành những lực lượng nào?

- a. Lực lượng chiến đấu và lực lượng cơ động.
- b. Lực lượng quân sự và lực lượng chính trị.
- c. Lực lượng cơ động và lực lượng dự bị.
- d. Lực lượng nông cốt và lực lượng rộng rãi.

Câu 13: Độ tuổi của lực lượng dân quân tự vệ nông cốt qui định như thế nào?

- a. Nam từ 18 tuổi đến hết 40; Nữ từ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.
- b. Nam từ 18 tuổi đến hết 35; Nữ từ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.
- c. Nam từ 18 tuổi đến hết 45; Nữ từ 18 tuổi đến hết 45 tuổi.
- d. Nam từ 18 tuổi đến hết 25; Nữ từ 18 tuổi đến hết 30 tuổi.



Câu 14: Độ tuổi của lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi được qui định như thế nào?

- a. Nam từ 18 tuổi đến hết 40; Nữ từ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.
- b. Nam từ 18 tuổi đến hết 35; Nữ từ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.
- c. Nam từ 18 tuổi đến hết 45; Nữ từ 18 tuổi đến hết 40 tuổi.
- d. Nam từ 18 tuổi đến hết 25; Nữ từ 18 tuổi đến hết 30 tuổi.

Câu 15: Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi có nhiệm vụ:

- a. Phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả chiến đấu.
- b. Vận chuyển tiếp tế, bảo vệ và sơ tán nhân dân.
- c. Chiến đấu, phục vụ chiến đấu làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.
- d. Phương án a, b đúng.

Câu 16: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Được xác định là:

- a. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ.
- b. Nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ.
- c. Phương châm xây dựng dân quân tự vệ.
- d. Biện pháp xây dựng dân quân tự vệ.

Câu 17: Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ. Được xác định là:

- a. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ.
- b. Nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ.
- c. Phương châm xây dựng dân quân tự vệ.
- d. Biện pháp xây dựng dân quân tự vệ.

Câu 18: Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho:

- a. Lực lượng dân quân tự vệ.
- b. Lực lượng công an nhân dân
- c. Lực lượng thường trực của quân đội.
- d. Lực lượng vũ trang địa phương.

Câu 19: Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

- a. Bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.
- b. Bảo đảm chất lượng về chính trị tinh thần của dân quân tự vệ.
- c. Bảo đảm chất lượng xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.
- d. Bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân .

Câu 20: Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của:

- a. Toàn dân.
- b. Toàn Đảng.
- c. Cả hệ thống chính trị.
- d. Toàn quân.

Câu 21: Một trong những nguồn đào tạo sĩ quan dự bị là:

- a. Tất cả công dân Việt Nam.
- b. Sinh viên Nam đã tốt nghiệp từ các trường đại học.
- c. Học sinh từ các trường trung học phổ thông.
- d. Sinh viên từ các trường đại học.

Câu 22: Phương châm huấn luyện lực lượng dự bị động viên?

- a. Cơ bản, thiết thực, vững chắc có trọng tâm, trọng điểm.
- b. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm.
- c. Cơ bản, chất lượng, thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm
- d. Chất lượng, hiệu quả có trọng tâm, trọng điểm.

Câu 23: Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị từ:

- a. Trong chiến tranh.
- b. Thời bình.
  - a. Đất nước có chiến tranh.
  - b. Thời kỳ đầu chiến tranh.

Câu 24: Một trong những yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng là:

- a. Phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch.
- b. Phải bảo đảm năng lực đã có của doanh nghiệp.
- c. Bảo đảm an toàn, bí mật.
- d. Bảo đảm hiệu quả bàn giao đúng kế hoạch.

Câu 25: Trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm những trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa, trang bị cho Quân đội. Được xác định là:

- a. Biện pháp động viên công nghiệp
- b. Nội dung động viên công nghiệp
- c. Nguyên tắc động viên công nghiệp
- d. Yêu cầu động viên công nghiệp

Câu 26: Khi hết thời gian phục vụ dân quân tự vệ nông cốt thì phải tham gia:

- a. Lực lượng dự bị hạng 1.
- b. Lực lượng dự bị hạng 2.
- c. Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi.
- d. Lực lượng dân quân tự vệ thường trực.

Câu 27: Điền vào chỗ trống: “Động viên công nghiệp quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ..(1)..sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội của doanh nghiệp công nghiệp..(2)..quân đội”.

- a. Sức mạnh(1); cho(2)
- b. Khả năng(1); trong(2)
- c. Năng lực(1); ngoài(2).

Câu 28: Ai là người phát lệnh tổng động viên?

- a. Chủ tịch nước.
- b. Chủ tịch Quốc hội
- c. Tổng Bí thư
- d. Bộ trưởng Quốc phòng.

Câu 29: Động viên công nghiệp quốc phòng không áp dụng đối với doanh nghiệp nào?

- a. Có vốn từ ngân sách nhà nước.
- b. Các doanh nghiệp Nhà nước
- c. Có vốn đầu tư nước ngoài.
- d. Trong và ngoài quốc doanh.

Câu 30: Dân quân tự vệ có vị trí như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- a. Quan trọng.
- b. Chủ yếu.
- c. Chiến lược.
- d. Nông cốt.

Câu 31: Dân quân tự vệ có vai trò như thế nào trong phong trào toàn dân đánh giặc?

- a. Nông cốt.
- b. Quan trọng.
- c. Chủ yếu.
- d. Chiến lược.

## **BÀI 11: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ BIÊN GIỚI QUỐC GIA.**

Câu 1: Các yếu tố nào cấu thành nên Quốc gia?

- a. Lãnh thổ, dân cư và hệ thống pháp lý.
- b. Lãnh thổ, dân cư và hệ thống chính trị.
- c. Lãnh thổ, dân cư và chế độ chính trị.
- d. Lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng

Câu 2: Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn ở đâu?

- a. Chủ quyền quốc gia.
- b. Lãnh thổ và lãnh hải quốc gia.
- c. Biên giới quốc gia.
- d. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Câu 3: Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm:

- a. Vùng đất, vùng trời, ngoài ra còn có lãnh thổ quốc gia đặc biệt.
- b. Vùng đất, vùng trời và thềm lục địa và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.
- c. Vùng đất, vùng biển, vùng trời ngoài ra còn có lãnh thổ quốc gia đặc biệt.
- d. Vùng đất, vùng biển, ngoài ra còn có lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Câu 4: Biển Việt Nam có mấy vùng?

- a. Có 3 vùng.      b. Có 4 vùng.      c. Có 5 vùng.      d. Có 6 vùng.

Câu 5: Nội thủy là gì?

- a. Vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở.
- b. Vùng biển nằm ở phía ngoài đường cơ sở.
- c. Vùng biển nằm ở phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế.
- d. Vùng biển nằm phía ngoài vùng lãnh hải.

Câu 6: Tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia, được xác định là:

- a. Nguyên tắc trong quan hệ quốc tế.
- b. Nguyên tắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- c. Nguyên tắc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.
- d. Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

Câu 7: Biên giới quốc gia Việt Nam gồm:

- a. Biên giới trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.
- b. Biên giới trên đất liền, trên không, lãnh thổ quốc gia đặc biệt.
- c. Biên giới trên đất liền, trên biển, trong lòng đất, thềm lục địa.
- d. Biên giới trên đất liền, trên biển, trên không.

Câu 8: Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng bao nhiêu hải lí?

- a. 12 hải lí.      B. 24 hải lí.      C. 188 hải lí.      d. 200 hải lí

Câu 9: Biên giới quốc gia trên biển cách đường cơ sở bao nhiêu hải lí?

- a. 24 hải lí.      b. 200 hải.      c. 188 hải lí.      d. 12 hải lí.

Câu 10: Vùng tiếp giáp lãnh hải rộng bao nhiêu hải lí ?

- a. 24 hải lí.      b. 12 hải lí.      c. 200 hải lí.      d. 350 hải lí.

Câu 11: Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng:

- a. Hệ thống mốc quốc giới.      b. Tọa độ trên bản đồ.
- c. Tọa độ trên hải đồ.      d. Bản đồ kỹ thuật số.

Câu 12: Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu bằng:

- a. Hệ thống bản đồ kỹ thuật số.
- b. Hệ thống mốc quốc giới.
- c. Hệ thống tọa độ trên hải đồ.
- d. Hệ thống tọa độ trên bản đồ.

Câu 13: Biên giới Việt Nam - Trung quốc trên đất liền bao nhiêu kilômét?

- a. Dài 1.346 km.      b. Dài 2.046 km.      c. Dài 2.067 km.      d. Dài 1.350 km.

- Câu 14: Biên giới Việt Nam - Lào trên đất liền bao nhiêu kilômét?  
a. Dài 1.346 km.      b. Dài 2.067 km.      c. Dài 1.137 km.      d. Dài 1.145 km.
- Câu 15: Biên giới Việt Nam - Campuchia trên đất liền bao nhiêu kilômét?  
a. Dài 1.346 km.      b. Dài 2.067 km.      c. Dài 1.137 km.      d. Dài 1.247 km
- Câu 16: Huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của Việt Nam?  
a. Đà Nẵng.      b. Quảng Ninh.      c. Khánh Hòa.      d. Bình Định.
- Câu 17: Lực lượng nào làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia trên đất liền?  
a. Cảnh sát biển.      b. Lực lượng vũ trang nhân dân.  
c. Công an nhân dân.      d. Bộ đội Biên phòng.
- Câu 18: Lực lượng nào làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia?  
a. Cảnh sát biển.      b. Bộ đội Biên phòng.      c. Lực lượng vũ trang nhân dân.      d. Phương án a và b.
- Câu 19: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của:  
a. Toàn dân.      b. Công an.      c. Quân đội.      d. Bộ đội biên phòng.
- Câu 20: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới gia là:  
a. Xây dựng biên giới hòa bình.      b. Hữu nghị.  
c. Ổn định.      d. Tất cả phương án trên đúng.
- Câu 21: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong giải quyết các vấn đề tranh chấp về lãnh thổ biên giới bằng giải pháp nào?  
a. Thương lượng hòa bình.      b. Đàm phán kết hợp sử dụng vũ trang.  
c. Đe dọa sử dụng vũ lực.      d. Sử dụng vũ trang.
- Câu 22: Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) có hiệu lực năm nào?  
a. Năm 1977.      b. Năm 1988.      c. Năm 1982.      d. Năm 1992.
- Câu 23: Điền vào chỗ trống câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Ngày trước ta chỉ có đê và rừng, ngày nay ta có ngày...(1);...(2)...Bờ biển nước ta dài tươi đẹp, ta phải biết giữ lấy nó”.  
a. Có biển (1), có đất (2).      b. Có trời (1), có đất (2)  
c. Có trời (1), có biển (2)      d. Có rừng(1), có biển(2).
- Câu 24: Huyện đảo Trường Sa có các đơn vị hành chính nào?  
a. Thị trấn Trường Sa; Xã Song Tử Tây; Xã Cô Lin.  
b. Thị trấn Trường Sa; Xã Cô Lin; Xã Sinh Tồn.  
c. Thị trấn Trường Sa; Xã Song Tử Tây; Xã Sinh Tồn.  
d. Thị trấn Trường Sa; Xã Sinh Tồn.
- Câu 25: Khu vực biên giới quốc gia trên không có chiều rộng là bao nhiêu kilômét?  
a. 20 km tính từ biên giới Việt Nam trở ra.  
b. 20 km tính từ biên giới Việt Nam trở vào.  
c. 10 km tính từ biên giới Việt Nam lên cao.  
d. 10 km tính từ biên giới Việt Nam trở vào.
- Câu 26: Điền vào chỗ trống về nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia: “Xây dựng, phát triển...(1)...kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại và...(2)... của đất nước”.  
a. Bền vững(1); Trật tự an ninh(2)  
b. Chính trị tư tưởng(1); quốc phòng an ninh(2)  
c. Mọi mặt chính trị(1); quốc phòng an ninh(2).  
d. Quân sự(1); Khoa học kĩ thuật(2).
- Câu 27: Lãnh thổ Việt Nam có mấy hướng trông ra biển?  
a. 4 hướng: Đông, Đông bắc, Tây bắc, Nam.      b. 3 hướng: Đông, Tây bắc, Tây Nam.  
b. 4 hướng: Đông, Đông bắc, Tây bắc, Đông Nam.      d. 3 hướng: Đông, Nam và Tây Nam.
- Câu 28: Hiện nay ở nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển?  
a. 26 tỉnh, thành phố.      b. 27 tỉnh, thành phố.  
c. 28 tỉnh, thành phố.      d. 29 tỉnh, thành phố.

## Bài 12: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC – TÔN GIÁO...

Câu 1: Cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống văn hóa, đặc điểm tâm lý ý thức dân tộc và tên gọi của dân tộc. Được xác định là:

- a. Khái niệm dân tộc.      b. Đặc điểm dân tộc.      c. Nguồn gốc dân tộc.      d. Tính chất dân tộc.

Câu 2: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực”. Là quan điểm của ai?

- a. V.I.Lênin.      b. Mác – Lênin.      c. Ph. Ăngghen.      d. Hồ Chí Minh.

Câu 3: Một trong những đặc điểm của các dân tộc Việt Nam:

- a. Có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.  
b. Có tinh thần chống giặc ngoại xâm.  
c. Có trình độ văn hóa phát triển bền vững.  
d. Phương án b và c đúng.

Câu 4: Đặc điểm của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là:

- a. Cư trú tập trung ở nông thôn.  
b. Cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn.  
c. Cư trú tập trung trên địa bàn hẹp.  
d. Cư trú chủ yếu ở đồng bằng và trung du.

Câu 5: Đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam là:

- a. Có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều.  
b. Có quy mô dân số và trình độ phát triển bền vững.  
c. Có quy mô dân số và trình độ phát triển ngang bằng nhau.  
d. Có trình độ phát triển đồng đều.

Câu 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc là phải:

- a. Xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.  
b. Xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.  
c. Đoàn kết công nhân các dân tộc trong quốc gia và quốc tế.  
d. Xây dựng lực lượng lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc.

Câu 7: Một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường ảo tưởng, phù hợp với tâm lý, hành vi của con người. Được xác định là:

- a. Khái niệm tôn giáo theo chủ nghĩa C.Mác – V.I.Lênin.  
b. Nguồn gốc tôn giáo theo chủ nghĩa C.Mác – V.I.Lênin.  
c. Tính chất tôn giáo theo chủ nghĩa C.Mác – V.I.Lênin.  
d. Đặc điểm tôn giáo theo chủ nghĩa C.Mác – V.I.Lênin.

Câu 8: Trong đời sống xã hội, tôn giáo gồm những yếu tố:

- a. Giáo chủ, giáo lí.  
b. Giáo lễ, giáo luật  
c. Giáo hội và tín đồ  
d. Tất cả phương án trên đúng.

Câu 9: Nguồn gốc của tôn giáo gồm có:

- a. Nguồn gốc kinh tế xã hội.  
b. Nguồn gốc nhận thức  
c. Nguồn gốc tâm lý  
d. Tất cả phương án trên.

Câu 10: Tính chất của tôn giáo gồm:

- a. Tính lịch sử; tính quần chúng.  
b. Tính khoa học, tính lịch sử và tính chính trị.  
c. Tính chính trị.  
d. Phương án a và c đúng.

Câu 11: Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay về tôn giáo:

- Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.
- Tôn giáo có giá trị văn hóa đạo đức tích cực phù hợp xã hội mới.
- Đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Tất cả phương án đúng.

Câu 12: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, một trong những chức năng của tôn giáo là:

- Mối liên hệ giữa thần thánh và con người.
- Đền bù hư ảo.
- Sự sáng tạo trong nỗi cô đơn của con người.
- Các phương án a, b và c đúng.

Câu 13: Một trong những giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá Việt Nam?

- Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị xã hội.
- Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh để giữ vững ổn định chính trị xã hội
- Tăng cường tuyên truyền giáo dục cho toàn dân để giữ vững ổn định chính trị xã hội
- Tăng cường xây dựng quan hệ đoàn kết quốc tế để giữ vững ổn định chính trị xã hội.

Câu 14: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin: “Các dân tộc có quyền tự quyết về...và con đường phát triển của dân tộc mình”.

- Phạm vi lãnh thổ.
- Biên giới quốc gia
- Chế độ quân sự
- Chế độ chính trị.

Câu 15: Điền vào chỗ trống: “Mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng, góp phần làm nên sự...của văn hóa Việt Nam”.

- Đa dạng, phong phú, thống nhất.
- Đa dạng, thống nhất, hài hòa.
- Phong phú, hài hòa, thống nhất.
- Đa dạng, phong phú, hài hòa.

Câu 16: Để giải quyết vấn đề dân tộc, quan điểm của V.I.Lênin là:

- Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.
- Các dân tộc được quyền tự quyết.
- Các phương án a và b đúng.
- Các phương án a và b sai.

Câu 17: Nhận định nào sai về đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam?

- Các dân tộc hoàn toàn được quyền tự quyết, bình đẳng xây dựng Nhà nước.
- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn.
- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều.
- Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng tạo nên đa dạng, phong phú, thống nhất văn hóa Việt Nam.

Câu 18: Giải quyết tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Được xác định là:

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Quan điểm duy tâm.
- Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lê nin.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 19: Việt Nam hiện nay có mấy tôn giáo lớn? Tôn giáo nào là nội sinh?

- Có 6; tôn giáo Phật giáo và Hòa Hảo.
- Có 6; tôn giáo Cao Đài và Hòa Hảo.
- Có 6; tôn giáo Phật giáo và Hồi giáo.
- Có 6; tôn giáo Công giáo và Cao Đài.

Câu 20: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung giải pháp phòng chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam: “Tăng cường xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững...?”

- a. Ổn định chính trị - xã hội.                      b. Ổn định và phát triển kinh tế của đất nước.  
c. Ổn định xã hội.                                      d. Ổn định an ninh của đất nước.

Câu 21: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung giải pháp phòng chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam: “Chăm lo...(1)...đời sống...(2)...của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo”.

- a. (1)Nâng cao; (2)Vật chất tinh thần.                      b. (1)Sức khỏe; (2)Vật chất tinh thần  
c. (1)Ổn định; (2)Vật chất.                                      d. (1)Nâng cao; (2)Tinh thần

Câu 22: C. Mác đã coi tôn giáo là:

- a. Tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức.  
b. Thần thánh với con người.  
c. Sự sáng tạo của con người.  
d. Cả a, b, c đúng.

Câu 23: Trước khi dân tộc xuất hiện, loài người trải qua những hình thức cộng đồng nào?

- a. Thị tộc, bộ tộc, chủng tộc.                      b. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.  
c. Bộ lạc, bộ tộc, thị tộc.                                      d. Thị tộc, bộ lạc, chủng tộc.

Câu 24: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Ai đã nói?

- a. Ph. Ăngghen.                      b. V.I Lênin.                      c. C. Mác.                      d. Hồ Chí Minh.

Câu 25: Lĩnh vực nào giúp con người thoát khỏi ngu muội, tối tăm, đưa con người làm chủ xã hội và bản thân?

- a. Kinh tế.                      b. Khoa học.                      c. Đạo đức.                      d. Tôn giáo

Câu 26: Tôn giáo tồn tại bằng cái gì?

- a. Bằng niềm tin.                      b. Bằng khái niệm.                      c. Bằng chân lý.                      d. Bằng thực tiễn.  
b.

### **Bài 13: AN NINH QUỐC GIA – TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

Câu 1: Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

- a. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; an ninh kinh tế.  
b. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng; an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo.  
c. Bảo vệ an ninh biên giới; an ninh thông tin.  
d. Tất cả các phương án trên.

Câu 2: Nội dung giữ gìn trật tự, an toàn xã hội:

- a. Đấu tranh phòng, chống tội phạm; bài trừ các tệ nạn xã hội; giữ gìn trật tự nơi công cộng.  
b. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.  
c. Phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh; bảo vệ môi trường.  
d. Tất cả các phương án trên.

Câu 3: Đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội là:

- a. Tội phạm kinh tế, tội phạm ma túy và tội phạm hình sự.  
b. Gián điệp, phản động, ma túy và tội phạm hình sự.  
c. Tội tuyên truyền chống Nhà nước.  
d. Tội phạm chính trị, ma túy và tội phạm hình sự.

Câu 4: Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia là:

- a. Các tổ chức phản động ở nước ngoài.  
b. Gián điệp và phản động.  
c. Tội phạm ma túy.  
d. Các tổ chức tội phạm quốc tế .

Câu 5: Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

- Biện pháp vận động quần chúng; biện pháp pháp luật.
- Biện pháp ngoại giao; biện pháp kinh tế; biện pháp khoa học kỹ thuật.
- Biện pháp nghiệp vụ; biện pháp vũ trang.
- Tất cả các biện pháp trên.

Câu 6: Thuận lợi trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở nước ta là:

- Đảng Cộng sản Việt Nam có bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm.
- Lực lượng vũ trang cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc với nhân dân.
- Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào Đảng và chế độ.
- Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 7: Khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam là:

- Tụt hậu kinh tế; chênh lệch xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng, quan liêu; Diễn biến hòa bình.
- Những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.
- Các hành động xâm hại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta vẫn sẽ tiếp diễn.
- Tất cả các phương án trên đúng.

Câu 8: Bảo vệ an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp của:

- Công an nhân dân.
- Quân đội nhân dân.
- Lực lượng vũ trang.
- Toàn dân.

Câu 9: Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia:

- Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Bảo vệ an ninh tư tưởng và văn hóa
- Tuân thủ theo hiến pháp và pháp luật.
- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh.

Câu 10: Sự ổn định phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Được xác định là:

- Khái niệm an ninh quốc gia.
- Nội dung của an ninh quốc gia.
- Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia.
- Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 11: Bảo vệ an ninh quốc gia là:

- Đề phòng các thế lực thù địch lợi dụng sơ hở tiến hành các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.
- Đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác trong bảo vệ an ninh quốc gia.
- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.
- Thủ tiêu các hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động có ý đồ xâm hại an ninh quốc gia.

Câu 12: Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Được xác định là:

- Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 13: Bảo vệ an ninh về tư tưởng văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Được xác định là:

- Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.
- Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 14: Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là:

- Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại .
- Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.
- Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quốc phòng và các lợi ích quốc gia khác.
- Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia.



Câu 15: Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là:

- a. Bảo vệ bí mật thông tin của Đảng, Nhà nước và các công trình quốc phòng.
- b. Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.
- c. Bảo vệ tuyệt đối bí mật các thông tin của Nhà nước và các công trình quân sự.
- d. Bảo vệ bí mật quân sự và các trọng điểm về quốc phòng - an ninh quốc gia.

Câu 16: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Được xác định là:

- a. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.
- b. Một trong những mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.
- c. Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.
- d. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 17: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- a. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Bộ Công an.
- b. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Bộ Quốc phòng.
- c. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước.
- d. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của lực lượng vũ trang.

Câu 18: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- a. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ ANQG với nhiệm vụ xây dựng và củng cố lực lượng Quân đội vững mạnh.
- b. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- c. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.
- d. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ đấu tranh với các loại hình tội phạm.

Câu 19: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- a. Chủ động không để bị động, bất ngờ trước những hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.
- b. Chủ động nắm các tổ chức phản động trong và ngoài nước để ngăn chặn sự phá hoại.
- c. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.
- d. Chủ động nắm tình hình và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 20: Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển là:

- a. Bộ đội Biên phòng và công an nhân dân.
- b. Bộ đội hải quân và Cảnh sát biển.
- c. Bộ đội biên phòng và Cảnh sát biển.
- d. Bộ đội biên phòng và Cảnh sát cơ động.

Câu 21: Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các qui tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý. Được xác định là:

- a. Khái niệm về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- b. Khái niệm về an ninh quốc gia.
- c. Khái niệm về trật tự, an toàn xã hội.
- d. Khái niệm về tệ nạn xã hội.

Câu 22: Lực lượng nào giữ vai trò nòng cốt bảo vệ trật tự, an toàn xã hội?

- a. Quân đội nhân dân.
- b. Bộ đội biên phòng.
- c. Công an nhân dân.
- d. Cảnh sát biển.

Câu 23: Trong bảo vệ an ninh quốc gia, nội dung nào sau đây được xác định là quan trọng nhất?

- a. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
- b. Bảo vệ an ninh thông tin.
- c. Bảo vệ an ninh kinh tế.
- d. Bảo vệ an ninh văn hoá - tư tưởng.

Câu 24: Một trong những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:

- a. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp với xây dựng thế trận phòng thủ trên phạm vi cả nước.
- b. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh.
- c. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- d. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh.

Câu 25: Một trong những quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH xã hội là:

- a. Kết hợp phát triển kinh tế văn hóa xã hội với bảo vệ Tổ quốc.
- b. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
- c. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo của tổ quốc.
- d. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

Câu 26: Một trong những trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- a. Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học giáo dục quốc phòng - an ninh.
- b. Tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- c. Học tập tốt môn học giáo dục quốc phòng an ninh, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.
- d. Tăng cường tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống trong sạch lành mạnh.

Câu 27: Một trong những trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- a. Trực tiếp tham gia các hoạt động điều tra, phát hiện, đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
- b. Tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường, phát hiện các hành vi nghi vấn xâm hại an ninh quốc gia.
- c. Tích cực tham gia xây dựng nhà trường trong sạch, lành mạnh không có hiện tượng tiêu cực.
- d. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động để bảo vệ an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Câu 28: Luật An ninh Quốc gia của nước ta có hiệu lực thi hành năm nào?

- a. Năm 2004.
- b. Năm 2005.
- c. Năm 2006.
- d. Năm 2007.

Câu 29: Cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia trong khi thực hiện nhiệm vụ được quyền:

- a. Giữ bí mật về nhân thân, lai lịch, nhiệm vụ và phương tiện thực hiện nhiệm vụ.
- b. Miễn thủ tục hải quan đối với tài liệu, phương tiện nghiệp vụ mang theo khi nhập cảnh, xuất cảnh qua biên giới cửa khẩu.
- c. Xuất trình giấy chứng minh an ninh trong trường hợp cần thiết để yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân giúp đỡ.
- d. Phương án a, b, c đúng.

Câu 30: Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia có trách nhiệm:

- a. Giữ bí mật về sự giúp đỡ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia.
- b. Bảo đảm an toàn cho cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia.
- b. Bảo vệ bí mật cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia.
- d. Bảo đảm chính sách cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

#### **BÀI 14: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

Câu 1: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Là quan điểm của ai?

- a. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- b. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
- c. Tổng bí thư Lê Duẩn.
- d. Nguyễn Trãi.

Câu 2: Vai trò của quần chúng nhân dân trong "Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

- a. Nghiên cứu, xác định nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, đề xuất biện pháp phòng chống.
- b. Phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.
- c. Tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương đúng đắn để khắc phục tình trạng phạm tội.
- d. Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lý.

Câu 3: Thực chất của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Giải quyết triệt để tình trạng phạm tội ở khu dân cư tiến tới xây dựng một xã hội văn minh.
- b. Hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia.
- c. Điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.
- d. Phương án b và c đúng.

Câu 4: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí như thế nào?

- a. Vị trí then chốt.
- b. Vị trí chiến lược.
- c. Vị trí quan trọng.
- d. Vị trí quyết định.

Câu 5: Ngày hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là:

- a. Ngày 19 tháng 8.
- b. Ngày 2 tháng 9.
- c. Ngày 22 tháng 12.
- d. Ngày 19 tháng 5.

Câu 6: Một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân. Được xác định là:

- a. Vị trí “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.
- b. Khái niệm “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.
- c. Phương pháp xây dựng “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.
- d. Mục đích của “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Câu 7: Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với các loại tội phạm. Được xác định là:

- a. Biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- b. Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Mục đích xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 8: Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội. Được xác định là:

- a. Biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- b. Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Mục đích xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 9: Một trong những đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào ở các địa bàn, các lĩnh vực có sự khác nhau.
- b. Phong trào diễn ra trên diện rộng, liên quan đến mọi địa bàn, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- c. Phong trào cần có ý thức tự giác, tinh thần làm chủ của quần chúng nhân dân.
- d. Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào phụ thuộc vào điều kiện kinh tế địa phương.

Câu 10: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân.
- b. Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan mọi người mọi tầng lớp trong xã hội.
- c. Huy động sức mạnh trong nhân dân để phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm.
- d. Vận động toàn dân làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình.

Câu 11: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Huy động sức mạnh trong nhân dân để phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm.
- b. Tuyên truyền trong nhân dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.
- d. Vận động toàn dân làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình.

Câu 12: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.
- b. Tham gia xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt vững mạnh làm hạt nhân của phong trào.
- c. Xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình tiên tiến làm cơ sở mở rộng phong trào.
- d. Tuyên truyền trong nhân dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 13: Trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trách nhiệm của sinh viên lưu trú trong kí túc xá là:

- a. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường.
- b. Chấp hành tốt nội qui của nhà trường.
- c. Không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ.
- d. Tất cả phương án trên đúng

Câu 14: Trong xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trách nhiệm của sinh viên tạm trú trong khu dân cư là:

- a. Thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú.
- b. Chấp hành tốt các quy định của địa phương.
- c. Tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự của địa phương.
- d. Tất cả phương án trên đúng.

Câu 15: Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- a. Nghiên cứu, đề ra những chủ trương giải pháp thích hợp để bảo vệ an ninh tổ quốc.
- b. Tham mưu cho chính quyền địa phương những chủ trương, giải pháp bảo vệ an ninh trật tự.
- c. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phương án bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 16: Tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Được xác định là:

- a. Khái niệm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- b. Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Đặc điểm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 17: Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự. Được xác định là;

- a. Khái niệm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- b. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Đặc điểm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu 18: Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và địa phương. Được xác định là:

- a. Khái niệm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- b. Nội dung xây dựng phong trào. toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- c. Đặc điểm xây dựng phong trào. toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- d. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

## **Bài 15: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM - TỆ NẠN XÃ HỘI**

Câu 1: Phòng ngừa tội phạm là việc làm của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và của công dân, bằng nhiều biện pháp để:

- a. Khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.
- b. Thủ tiêu những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.
- c. Hạn chế những điều kiện của tình trạng phạm tội.
- d. Tất cả các phương án trên.

Câu 2: Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là:

- a. Khắc phục, thủ tiêu những nguyên nhân của tình trạng phạm tội.
- b. Khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.
- c. Khắc phục, thủ tiêu những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.
- d. Hạn chế điều kiện của tình trạng phạm tội.

Câu 3: Tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm là:

- a. Phòng ngừa chung kết hợp với phòng chống riêng.
- b. Phòng ngừa là phương hướng chính.
- c. Phòng ngừa kết hợp với tuyên truyền và giáo dục.
- d. Nghiên cứu, xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.

Câu 4: Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội là:

- a. Tư tưởng trọng nam coi thường phụ nữ.
- b. Do sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường.
- c. Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ của người dân.
- d. Tất cả các phương án trên.

Câu 5: Chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm là:

- a. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.
- b. Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan bảo vệ pháp luật.
- c. Các tổ chức xã hội; tổ chức quần chúng tự quản.
- d. Tất cả các phương án trên.

Câu 6: Một trong những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm là:

- a. Tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật.
- b. Nâng cao ý thức cảnh giác trong nhân dân.
- c. Phòng ngừa chung và phòng chống riêng.
- d. Tuyên truyền kết hợp giáo dục trong nhân dân.

Câu 7: Trách nhiệm của sinh viên trong phòng chống tội phạm là:

- a. Chấp hành nghiêm những nội quy, quy định của nhà trường.
- b. Thành lập tổ, nhóm chuyên trách trong phòng, chống tội phạm.
- c. Xây dựng quy chế quản lý sinh viên, quản lí kí túc xá.
- d. Tổ chức cho sinh viên tham gia tìm hiểu pháp luật.

Câu 8: Một trong những đặc điểm của tệ nạn xã hội là:

- a. Nếp sống xa đọa trụy lạc, mê tín đồng bóng bói toán.
- b. Coi thường các chuẩn mực đạo đức, xã hội và pháp luật.
- c. Có tính lây lan nhanh trong xã hội.
- d. Là một hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến.

Câu 9: Đặc điểm của tệ nạn mê tín dị đoan là:

- a. Biểu hiện các hủ tục lạc hậu.
- b. Tàn dư của xã hội cũ còn sót lại trong xã hội hiện nay.
- c. Kích thích và phù hợp tâm lí của một bộ phận người trong xã hội.
- d. Tất cả các phương án trên.

Câu 10: Ma túy được đưa vào cơ thể con người theo các con đường nào?

- a. Đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu - tuần hoàn.
- b. Đường hô hấp và đường máu.
- c. Đường tuần hoàn và đường tiêu hóa.
- d. Đường tiêu hóa, đường máu.

Câu 11: Sinh viên phải có trách nhiệm gì trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội?

- a. Không tham gia các tệ nạn xã hội dưới bất kỳ hình thức nào.
- b. Không bị lôi kéo cám dỗ bởi những lối sống trụy lạc.
- c. Có thái độ học tập nghiêm túc, có lối sống lành mạnh.
- d. Tất cả phương án trên.

Câu 12: Một hiện tượng xã hội tiêu cực có tính phổ biến bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Được hiểu là:

- a. Khái niệm tệ nạn xã hội.
- b. Mục đích tệ nạn xã hội.
- c. Đặc điểm tệ nạn xã hội.
- d. Nội dung tệ nạn xã hội.

Câu 13: Nhận định nào đúng về tệ nạn xã hội?

- a. Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội không có tính phổ biến.
- b. Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội.
- c. Tệ nạn xã hội không có tính lây lan trong xã hội.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 14: Đánh bạc là hành vi:

- a. Dùng tiền thông qua các trò chơi để trục lợi.
- b. Dùng vật chất thông qua các trò chơi để trục lợi.
- c. Dùng vật chất để trục lợi cho mình qua những người đánh bạc.
- d. Phương án a và b đúng.

Câu 15: Khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Được xác định là:

- a. Mục đích phòng chống tội phạm.
- b. Khái niệm phòng chống tội phạm
- c. Đặc điểm phòng chống tội phạm.
- d. Biện pháp phòng chống tội phạm.

Câu 16: Ngăn ngừa chặn đứng không để tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển, lan rộng trên địa bàn. Được xác định là:

- a. Mục đích phòng chống tội phạm.
- b. Mục đích phòng chống tệ nạn xã hội.
- c. Đặc điểm phòng chống tội phạm.
- d. Khái niệm tệ nạn xã hội.

Câu 17: Hành vi rủ rê, lôi kéo, tập hợp người khác cùng đánh bạc. Được xác định là:

- a. Đánh bạc.
- b. Gá bạc.
- c. Tổ chức đánh bạc.
- d. Tất cả phương án trên.

Câu 18: Hành vi dùng nhà ở của mình hoặc địa điểm khác để chứa các đám bạc từ đó trục lợi cho mình qua những người đánh bạc. Được xác định là:

- a. Đánh bạc.
- b. Tổ chức đánh bạc.
- c. Gá bạc.
- d. Tất cả phương án trên.

Câu 19: Phương án nào đúng nhất: Những hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường.

- a. Tệ nạn mê tín dị đoan.
- b. Tệ nạn xã hội.
- c. Tội phạm xã hội.
- d. Tín ngưỡng.

Câu 20: Nâng cao trình độ nhận thức cho toàn dân và sinh viên để họ tự giác đấu tranh với tệ nạn mê tín. Được xác định là:

- a. Yêu cầu phòng chống tệ nạn mê tín dị đoan.
- b. Đặc điểm phòng chống tệ nạn mê tín dị đoan.
- c. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tệ nạn mê tín dị đoan.
- d. Trách nhiệm của sinh viên trong phòng chống tệ nạn mê tín dị đoan.

Câu 21: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hay vô ý”. Được quy định trong:

- a. Luật Quốc phòng.    b. Luật Hình sự.    c. Luật tố tụng hình sự.    d. Luật An ninh quốc gia.

Câu 22: Phân loại tội phạm có:

- a. Tội phạm ít nghiêm trọng; nghiêm trọng; rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.  
b. Tội phạm ít nghiêm trọng; rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng  
c. Tội phạm ít nghiêm trọng; nghiêm trọng và rất nghiêm trọng  
d. Tội phạm ít nghiêm trọng; nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng

Câu 23: Trong phân loại tội phạm, Luật Hình sự nêu: Tội gây nguy hại không lớn cho xã hội. Được xác định là:

- a. Tội phạm ít nghiêm trọng.                      b. Tội phạm nghiêm trọng  
c. Tội phạm rất nghiêm trọng.                    d. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 24: Trong phân loại tội phạm, Luật Hình sự nêu: Tội gây nguy hại lớn cho xã hội. Được xác định là:

- a. Tội phạm ít nghiêm trọng.                    b. Tội phạm nghiêm trọng  
b. Tội phạm rất nghiêm trọng.                d. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 25: Trong phân loại tội phạm, Luật Hình sự nêu: Tội gây nguy hại rất lớn cho xã hội. Được xác định là:

- a. Tội phạm ít nghiêm trọng.                    b. Tội phạm nghiêm trọng  
c. Tội phạm rất nghiêm trọng                 d. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 26: Trong phân loại tội phạm, Luật Hình sự nêu: Tội gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội. Được xác định là:

- a. Tội phạm ít nghiêm trọng.                    b. Tội phạm nghiêm trọng  
c. Tội phạm rất nghiêm trọng                 d. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.